**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1**
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 246/2023/DS-ST
Ngày: 28-7-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phan Thị Thanh Nhàn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Thái Hoàng

2. Ông Nguyễn Thế Lý

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thanh Kim Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Hồng Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 25/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4143/2023/QĐXXST-DS ngày 21/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4259/2023/QĐST-DS ngày 10/7/2023 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn*: Ngân hàng T

Địa chỉ: Số 266-268 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông LM, sinh năm: 1970 - là đại diện theo ủy quyền - Giấy ủy quyền số 1258/2023/UQ-TGĐ ngày 28/4/2023. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

*2.Bị đơn:* Bà Hoàng H, sinh năm: 1980;

Địa chỉ: Số P, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/12/2022, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Ngân hàng T có ông LM đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 25/6/2019, Ngân hàng T (sau đây viết tắt là Ngân hàng) ký với bà Hoàng H hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng

của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số thẻ 526830-2108 với hạn mức sử dụng là 35.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 47.327.934 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 31.423.000 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước; Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/01/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà H, yêu cầu bà H có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà H trả nợ, tuy nhiên bà H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc bà Hoàng H phải trả ngay cho Ngân hàng số tiền còn nợ thẻ tín dụng theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ký ngày 25/6/2019 với tổng số tiền tạm tính đến ngày 28/7/2023 là 54.005.117 đồng, trong đó nợ gốc là 24.636.358 đồng, lãi quá hạn là 29.368.759 đồng. Và bà Hoàng H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 29/7/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Về phía bị đơn: Bà Hoàng H - Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật: Tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà, Giấy triệu tập tham gia xét xử, nhưng bà Hoàng H vẫn không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ nên Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về

việc giải quyết vụ án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do mặc dù đã được tống đạt hợp lệ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1 không có kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ vào Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ký ngày 25/6/2019 và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với nguyên đơn, do đó đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bà Hoàng H phải trả ngay cho Ngân hàng T số tiền còn nợ thẻ tín dụng theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ký ngày 25/6/2019 với tổng số tiền tính đến ngày 28/7/2023 là 54.005.117 đồng (trong đó nợ gốc là 24.636.358 đồng, lãi quá hạn là 29.368.759 đồng) và bà Hoàng H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 29/7/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về pháp luật tố tụng:*

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ phát sinh từ quan hệ hợp đồng cho vay xác lập giữa tổ chức tín dụng và cá nhân nên được xác định là loại tranh chấp về hợp đồng tín dụng quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Căn cứ kết quả xác minh ngày 20/4/2023 của Công an phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: Bà Hoàng H có hộ khẩu thường trú và thực tế cư trú tại địa chỉ số P, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Nguyên đơn - Ngân hàng T có đai diện theo ủy quyền là ông LM theo Giấy ủy quyền số 1258/2023/UQ-TGĐ ngày 28/4/2023 có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét Đơn đề nghị xét xử vắng mặt hợp lệ, căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn – bà Hoàng H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên toà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Hoàng H.

[2] Về pháp luật nội dung:

*Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn - yêu cầu Tòa án buộc bà Hoàng H phải trả ngay cho Ngân hàng T số tiền còn nợ thẻ tín dụng theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ký ngày 25/6/2019 với tổng số tiền tính đến ngày 28/7/2023 là 54.005.117 đồng, trong đó nợ gốc là 24.636.358 đồng, lãi quá hạn là 29.368.759 đồng và thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán phát sinh sau ngày 28/7/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

Căn cứ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký ngày 25/6/2019; bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, Bảng tóm tắt sao kê chi tiết giao dịch, thanh toán, lãi, phí và các tài liệu chứng minh về nhân thân của bị đơn, có cơ sở xác định nguyên đơn và bị đơn giao kết Hợp đồng là tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Xét thấy, bị đơn – bà Hoàng H đã sử dụng khoản vay. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 47.327.934 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 31.423.000 đồng. Tổng nợ còn lại tính đến ngày 28/7/2023 là 54.005.117 đồng, trong đó nợ gốc là 24.636.358 đồng, lãi quá hạn là 29.368.759 đồng.

Nguyên đơn tính tiền lãi phát sinh và áp dụng mức lãi suất để tính tiền lãi quá hạn đối với số tiền dư nợ theo thoả thuận tại Hợp đồng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng. Do đó, căn cứ Điều 275, Điều 280 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc buộc bà Hoàng H phải trả ngay cho Ngân hàng T số tiền còn nợ thẻ tín dụng theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ký ngày 25/6/2019 với tổng số tiền tính đến ngày 28/7/2023 là 54.005.117 đồng, trong đó nợ gốc là 24.636.358 đồng, lãi quá hạn là 29.368.759 đồng và thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán phát sinh sau ngày 28/7/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là

có cơ sở chấp nhận.

Xét, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nêu trên phù hợp với những đánh giá, nhận định của Hội đồng xét xử.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán; hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 275, Điều 280, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi, bổ sung năm 2010;

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Thông báo số 15/TB-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về việc đính chính Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T:

Buộc bà Hoàng H phải trả ngay cho Ngân hàng T số tiền còn nợ thẻ tín dụng theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ký ngày 25/6/2019 với tổng số tiền tính đến ngày 28/7/2023 là 54.005.117 đồng, trong đó nợ gốc là 24.636.358 đồng, lãi quá hạn là 29.368.759 đồng và thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán phát sinh sau ngày 28/7/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Kể từ ngày 29/7/2023, bà Hoàng H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này (trường

hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hoàng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.700.256 (hai triệu bảy trăm nghìn hai trăm năm mươi sáu) đồng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.157.966 (một triệu một trăm năm mươi bảy nghìn chín trăm sáu mươi sáu) đồng theo Biên lai thu số AA/2022/0018287 ngày 13/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng T và bà Hoàng H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 1;
- CCTHADS Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Thanh Nhàn**